

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MN THÁI MỸ

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 28 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV / 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm Non Thái Mỹ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý VI/2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

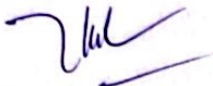
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý VI/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý VI/2023 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.329.051.040	2.089.175.201	25,08	103,13
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.296.355.040	986.505.924	22,96	48,70
6000	Tiền lương	1.660.118.852	365.735.961	22,03	90,64
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	79.170.000		19,70
6100	Phụ cấp lương	1.201.325.028	262.802.506	21,88	120,37
6200	Chi tiền thưởng	-			-
6300	Các khoản đóng góp	461.570.160	130.227.976	28,21	96,15
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	48.600.000			
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	41.000.000	19.604.881	47,82	791,16
6550	Vật tư văn phòng	45.000.000	10.468.000	23,26	53,62
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	42.800.000	12.467.996	29,13	110,47
6700	Công tác phí	31.400.000	7.170.000	22,83	108,64
6750	Chi phí thuê mướn	610.285.000	94.080.604	15,42	118,17
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	62.000.000	1.976.000	3,19	20,37
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	14.000.000		0,00	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	40.000.000	2.802.000	7,01	127,36
7050	Mua sắm tài sản vô hình	28.256.000		0,00	
7750	Chi khác	10.000.000		0,00	-
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoản chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định.		251.893.146		111,85
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.032.696.000	1.102.669.277	27,34	142,07
6000	Tiền lương		76.512.621		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý VI/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý VI/2023 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6100	Phụ cấp lương	842.570.000	360.886.663	42,83	162,17
6150	Học bổng học sinh sinh viên	7.800.000	14.010.000	179,62	62,84
6300	Các khoản đóng góp		21.067.564		
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	3.152.326.000	600.512.429	19,05	113,02
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	30.000.000	29.680.000	98,93	109,93

Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Hồng Vân


Nguyễn Thị Nữ